

Số: 27/2020/QĐST-HNGĐ

Thạch Hà, ngày 27 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 23/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12/3/2020 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị A**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Xóm 6 TT, xã VT, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Xóm 6 TT, xã VT, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh..

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59, 62, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị A**, sinh năm: 1990.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1983.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về tình cảm:** Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Hồng Q, sinh ngày 03/12/2018 và Nguyễn Văn Minh N, sinh ngày 16/01/2014. Các đương sự thỏa thuận, thống nhất sau khi vợ chồng ly hôn để chị Nguyễn Thị A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Văn Hồng Q và Nguyễn Văn Minh N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị A không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung cùng chị.

Anh Nguyễn Văn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm hay cản trở.

- **Về tài sản chung:** Hai đương sự thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận biên bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung mà các bên đã lập ngày 12/3/2020 vào quyết định, cụ thể: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đã tạo lập được các tài sản chung như sau: 01(Một) Mảnh đất có diện tích: 277,8 m² (*Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi bảy phẩy tám mét vuông*), thuộc thửa đất số: 992, tờ bản đồ số: 8; Địa chỉ: Đồng Bà Khiêm, thôn Trung Tiến, xã Phù Việt (nay là xã Việt Tiến), huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Mảnh đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 256646, cấp ngày 29/11/2013 mang tên Nguyễn Văn H; 01 (Một) căn nhà cấp 04 trên thửa đất có diện tích 100m².

*Sau khi vợ chồng ly hôn anh Nguyễn Văn H được nhận các tài sản sau:

- Anh Hải được nhận $\frac{1}{2}$ thửa đất có diện tích là 131,5m² (*Một trăm ba mươi mốt phẩy năm mét vuông*), cụ thể Đông Tây tứ cận như sau:

- + Phía Tây giáp với thửa đất số 991, có chiều dài 13,21m.
- + Phía Bắc giáp với đường giao thông, có chiều dài 10,30m.
- + Phía Đông giáp với đất của chị Nguyễn Thị A, có chiều dài 11,67m.
- + Phía Nam giáp với mương nước, có chiều dài 9,50m.

- Anh H được nhận số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) từ chị Nguyễn Thị A đưa lại tiền chênh lệch giá trị tài sản.

*Sau khi vợ chồng ly hôn chị Nguyễn Thị A được nhận các tài sản sau:

- Chị Anh được nhận $\frac{1}{2}$ thửa đất có diện tích là 146,3m² (*Một trăm bốn mươi sáu phẩy ba mét vuông*), cụ thể Đông Tây tứ cận như sau:

- + Phía Tây giáp với thửa đất của anh Nguyễn Văn H, có chiều dài 11,67m.
- + Phía Bắc giáp với đường giao thông, có chiều dài 12,28m.
- + Phía Đông giáp với đường giao thông, có chiều dài 9,42m.
- + Phía Nam giáp với mương nước có, chiều dài 13,39m.

- 01 (Một) căn nhà cấp 04 có diện tích 100m², nằm trên phần đất chị A được nhận.

Các đương sự thống nhất trong thời gian 01 tháng, kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật chị Nguyễn Thị A có nghĩa vụ chuyển giao số tiền

300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) cho anh Nguyễn Văn H và anh H có nghĩa vụ chuyển giao các tài sản như đã thỏa thuận phân chia cho chị A.

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Thị A không chịu chuyển giao số tiền như đã thỏa thuận thì hàng tháng còn phải chịu một khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 BLDS năm 2015.

- **Về nợ chung:** Hai đương sự không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị A tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ cho chị Nguyễn Thị A trong số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị A đã nộp tiền tạm ứng án phí. Trả lại cho chị Nguyễn Thị A số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003508, ngày 12/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực Pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- UBND xã Việt Tiến, huyện Thạch Hà (để xóa đăng ký);
- Các đương sự;
- Văn phòng Tòa án(để công bố CTTĐT);
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Khắc Hoàn